



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Trung Ngoan	Chủ tịch
Ông Mạc Văn Luật	Ủy viên
Ông Phan Tuấn Linh	Ủy viên
Ông Phạm Việt Hà	Ủy viên
Ông Hoàng Đình Quang	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Mạc Văn Luật	Giám đốc
Ông Phạm Việt Hà	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đào	Phó giám đốc
Ông Vũ Đức Thành	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Mạc Văn Luật
Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 06.02/2017/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2017, từ trang 6 đến trang 34 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính
Quốc tế (IFC)

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2017

A blue ink handwritten signature of Tạ Thị Hải Ninh.

Tạ Thị Hải Ninh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1613-2015-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.775.099.849	23.180.305.522
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.233.209.556	3.244.040.544
1. Tiền	111	V.1	4.233.209.556	3.244.040.544
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.989.324.095	14.259.220.930
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	12.051.588.456	14.144.430.142
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.322.515.608	696.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	366.373.631	190.944.388
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(751.153.600)	(772.153.600)
III. Hàng tồn kho	140		778.318.049	1.239.491.245
1. Hàng tồn kho	141	V.5	778.318.049	1.239.491.245
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		774.248.149	4.437.552.803
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	774.248.149	4.209.542.445
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	-	228.010.358
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.983.423.983	22.911.982.821
I. Tài sản cố định	220		17.913.184.721	21.054.230.821
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	17.856.522.721	20.977.564.821
- Nguyên giá	222		69.255.279.482	69.338.304.582
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.398.756.761)	(48.360.739.761)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	56.662.000	76.666.000
- Nguyên giá	228		80.000.000	80.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.338.000)	(3.334.000)
II. Tài sản dài hạn khác	260		7.070.239.262	1.857.752.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	7.070.239.262	1.857.752.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		43.758.523.832	46.092.288.343

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.656.251.605	13.871.652.341
I. Nợ ngắn hạn	310		9.656.251.605	12.771.652.341
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	7.264.358.794	7.478.784.148
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		90.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	379.977.324	492.529.385
4. Phải trả người lao động	314		1.363.530.287	4.341.564.266
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	541.757.576	235.736.918
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		106.537.624	223.037.624
II. Nợ dài hạn	330	V.12	-	1.100.000.000
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	1.100.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.102.272.227	32.220.636.002
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	34.102.272.227	32.220.636.002
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.003.400.000	1.203.400.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.098.872.227	4.017.236.002
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.098.872.227	4.017.236.002
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		43.758.523.832	46.092.288.343

Thùy

Nguyễn Thị Thùy
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 02 năm 2017

Đỗ Ngọc Thắng

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng



Mạc Văn Luật
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	79.756.555.161	81.206.721.832
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		79.756.555.161	81.206.721.832
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	63.081.260.859	65.978.613.756
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.675.294.302	15.228.108.076
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.496.772	24.273.019
7. Chi phí tài chính	22		-	181.321.064
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	181.321.064
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	10.227.435.971	9.881.121.010
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.464.355.103	5.189.939.021
10. Thu nhập khác	31	VI.5	55.354.530	97.360.909
11. Chi phí khác	32	VI.6	90.151.499	98.074.286
12. Lợi nhuận khác	40		(34.796.969)	(713.377)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.429.558.134	5.189.225.644
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.330.685.907	1.171.989.642
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.098.872.227	4.017.236.002
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.733	1.488
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.733	1.488

Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 02 năm 2017

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng



Mạc Văn Luật
Giám đốc

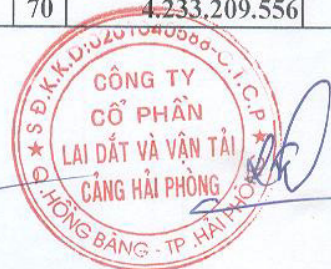
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	89.886.032.281	86.038.668.089
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(53.312.910.776)	(57.879.052.734)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(26.421.399.632)	(15.547.403.913)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(304.187.582)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.018.000.000)	(1.508.442.896)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	33.701.040	1.860.008.028
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.741.237.963)	(8.718.292.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.426.184.950	3.941.296.042
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(2.285.536.071)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.496.772	24.273.019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	16.496.772	(2.261.263.052)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(3.054.692.457)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.453.512.710)	(3.089.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.453.512.710)	(3.057.781.477)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	989.169.012	(1.377.748.487)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.244.040.544	4.621.789.031
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.233.209.556	3.244.040.544

Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 02 năm 2017

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng



Mạc Văn Luật
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 874/QĐ- HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ và Vận tải thủy, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cảng Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng. Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0201040588 ngày 01 tháng 3 năm 2010.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng là 27.000.000.000 đồng, trong đó vốn Nhà nước chiếm 60% vốn điều lệ. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng - cổ đông nhà nước nắm giữ 60% vốn điều lệ, tương đương với 16.200.000.000 đồng.
- Các cổ đông khác nắm giữ 40% vốn điều lệ tương đương với 10.800.000.000 đồng

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 210 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 220 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ bảo quản, giao nhận hàng hóa;
- Dịch vụ chuyên tải hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy;
- Cho thuê tàu lai;
- Hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải thủy;
- Hoạt động lai dất, đưa tàu cập bến;
- Trục vớt tàu biển;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý và vận tải đường biển;
- Đại lý ký gửi hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm);
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Cung ứng thuyền viên (không bao gồm cung ứng thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài);
- Khai thác cảng; kinh doanh kho bãi;
- Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

Hoạt động chính của Công ty là: Lai dất, hỗ trợ tàu, trục vớt cứu hộ tàu bốc xếp hàng hóa, chuyên tại hàng hóa, ứng phó sự cố tràn dầu.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 4 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí sửa chữa lớn đã phát sinh trong kỳ của phương tiện vận tải thủy, phí bảo hiểm phương tiện và giá trị phân bổ của những công cụ, dụng cụ. Thời gian phân bổ của các chi phí này lần lượt tối đa là 30 tháng đối với chi phí sửa chữa, phí bảo hiểm được phân bổ theo thời gian mua và không quá 03 năm đối với công cụ dụng cụ. Các chi phí được phân bổ đều vào các kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh bắt đầu từ thời điểm phát sinh chi phí.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả là chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo định kỳ theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải được Công ty ghi nhận dựa trên số liệu ước tính của Ban giám đốc về các khoản chi phí cần thiết phát sinh khi đến kỳ hạn sửa chữa của tàu chia đều trong thời gian 30 tháng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNGSố 4, Lý Tự Trọng, phường Minh Khai
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	583.106.244	43.575.066
Tiền gửi ngân hàng	3.650.103.312	3.200.465.478
Cộng	4.233.209.556	3.244.040.544

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	5.639.557.044	8.140.660.651
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	2.469.932.064	-
Công ty TNHH MTV SAVITRANS	2.266.974.048	2.481.733.375
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.675.125.300	3.522.036.116
Cộng	12.051.588.456	14.144.430.142

b. Phải thu ngắn hạn về các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh số VII.3)**3. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu người lao động tiền bảo hiểm xã hội	11.321.543	117.194.489
Tạm ứng	11.227.914	20.749.899
Ký quỹ, ký cược	50.000.000	50.000.000
Phải thu BHXH	267.456.084	-
Phải thu ngắn hạn khác	26.368.090	3.000.000
Cộng	366.373.631	190.944.388

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẤT VÀ VẬN TÀI CẢNG HẢI PHÒNG
Số 4, Lý Tự Trọng, phường Minh Khai
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃU SỐ B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Nợ xấu

	31/12/2016				01/01/2016			
	Thời gian quá hạn	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển Duyên Hải	Nợ quá hạn trên 3 năm	446.535.600	-	446.535.600	Nợ quá hạn trên 3 năm	467.535.600	-	467.535.600
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lan Hương	Nợ quá hạn trên 3 năm	304.618.000	-	304.618.000	Nợ quá hạn trên 3 năm	304.618.000	-	304.618.000
Cộng		751.153.600	-	751.153.600		772.153.600	-	772.153.600

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, phường Minh Khai

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Hàng tồn kho**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	778.154.049	1.236.147.897
Công cụ, dụng cụ	164.000	3.343.348
Cộng	778.318.049	1.239.491.245

6. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	358.248.149	310.210.000
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	533.491.445
Sửa chữa phương tiện	416.000.000	3.355.021.000
Dụng cụ quản lý	-	10.820.000
Cộng	774.248.149	4.209.542.445
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.375.931.627	312.900.000
Sửa chữa phương tiện	5.519.314.635	1.369.859.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	174.993.000	174.993.000
Cộng	7.070.239.262	1.857.752.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẤT VÀ VẬN TÀI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, phường Minh Khai
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuế minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃU SỐ B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	83.025.100	353.118.405	68.700.233.350	201.927.727	69.338.304.582
Thanh lý, nhượng bán	83.025.100	-	-	-	83.025.100
Tại ngày 31/12/2016	-	353.118.405	68.700.233.350	201.927.727	69.255.279.482
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	39.441.000	79.930.000	48.070.820.034	170.548.727	48.360.739.761
Khấu hao trong năm	8.304.000	40.584.000	3.023.988.000	12.886.000	3.085.762.000
Thanh lý, nhượng bán	47.745.000	-	-	-	47.745.000
Tại ngày 31/12/2016	-	120.514.000	51.094.808.034	183.434.727	51.398.756.761
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	43.584.100	273.188.405	20.629.413.316	31.379.000	20.977.564.821
Tại ngày 31/12/2016	-	232.604.405	17.605.425.316	18.493.000	17.856.522.721

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.141.441.727 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, phường Minh Khai

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2016	80.000.000	80.000.000
Tại ngày 31/12/2016	80.000.000	80.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2016	3.334.000	3.334.000
Khấu hao trong năm	20.004.000	20.004.000
Tại ngày 31/12/2016	23.338.000	23.338.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2016	76.666.000	76.666.000
Tại ngày 31/12/2016	56.662.000	56.662.000

9. Phải trả người bán ngắn hạn**a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	2.658.785.087	2.658.785.087	894.165.476	894.165.476
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hoàng Huy	-	-	756.396.709	756.396.709
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải 568	1.972.687.200	1.972.687.200	1.716.590.299	1.716.590.299
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Xây dựng Vĩnh Hùng	1.759.405.160	1.759.405.160	1.293.658.960	1.293.658.960
Công ty Cổ phần thương mại Kim Khánh	639.190.585	639.190.585	1.058.488.750	1.058.488.750
Các đối tượng khác	234.290.762	234.290.762	1.759.483.954	1.759.483.954
Cộng	7.264.358.794	7.264.358.794	7.478.784.148	7.478.784.148

b. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh số VII.3)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

a. Thuế và các khoản phải thu

	31/12/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	228.010.358	-	228.010.358
Cộng	-	228.010.358	-	228.010.358

b. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	293.254.775	3.181.432.993	3.363.199.948	475.021.730
Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.675.549	1.102.675.549	1.018.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.047.000	162.234.500	177.695.155	17.507.655
Các loại thuế khác	-	190.758.000	190.758.000	-
Cộng	379.977.324	4.637.101.042	4.749.653.103	492.529.385

11. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ăn ca	83.000.000	77.979.000
Kinh phí công đoàn	172.641.226	93.139.880
Bảo hiểm xã hội	-	15.001.234
Bảo hiểm thất nghiệp	-	263.744
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	266.416.350	19.929.060
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.700.000	29.424.000
Cộng	541.757.576	235.736.918

12. Nợ dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
sản cố định	-	-	1.100.000.000	1.100.000.000
Cộng	-	-	1.100.000.000	1.100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa PP VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	27.000.000.000	1.203.400.000	4.017.236.002	32.220.636.002
Lãi trong năm	-	-	5.098.872.227	5.098.872.227
Phân phối lợi nhuận	-	800.000.000	(800.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(330.000.000)	(330.000.000)
Trích quỹ khen thưởng HĐQT	-	-	(187.236.002)	(187.236.002)
Trả cổ tức 2015 (*)	-	-	(2.700.000.000)	(2.700.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	<u>27.000.000.000</u>	<u>2.003.400.000</u>	<u>5.098.872.227</u>	<u>34.102.272.227</u>

(*) Trả cổ tức năm 2015 được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 43/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng ngày 10 tháng 03 năm 2016

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	16.200.000.000	60%	16.200.000.000	60%
Các cổ đông khác	10.800.000.000	40%	10.800.000.000	40%
Cộng	<u>27.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>27.000.000.000</u>	<u>100%</u>

c. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Hoạt động hỗ trợ, lai dắt	51.013.947.363	49.694.750.362
- Hoạt động dịch vụ trọn gói	27.944.062.333	31.361.971.467
- Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	798.545.465	150.000.003
Cộng	79.756.555.161	81.206.721.832

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp		-
- Hoạt động hỗ trợ, lai dắt	33.728.135.061	33.881.594.824
- Hoạt động dịch vụ trọn gói	28.371.334.112	31.827.736.072
- Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	981.791.686	269.282.860
Cộng	63.081.260.859	65.978.613.756

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	16.496.772	24.273.019
Cộng	16.496.772	24.273.019

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.751.659.994	5.741.547.099
Chi phí đồ dùng văn phòng	416.429.276	372.497.648
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	251.338.000	239.853.727
Thuế, phí và lệ phí	190.758.000	190.758.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.415.867.017	1.425.172.739
Chi phí bằng tiền khác	1.201.383.684	1.911.291.797
Cộng	10.227.435.971	9.881.121.010

5. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thanh lý phế liệu	55.354.530	-
Các khoản khác	-	97.360.909
Cộng	55.354.530	97.360.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí phân bổ đầu tàu lai	47.000.000	-
Phá dỡ nhà kho cầu hoàn trả mặt bằng	35.280.100	98.074.286
Các khoản khác	7.871.399	-
Cộng	90.151.499	98.074.286

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.429.558.134	5.189.225.644
Các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế	223.871.399	-
- <i>Phạt do nộp chậm thuế môn bài</i>	27.000	-
- <i>Thù lao Hội đồng quản trị</i>	216.000.000	-
- <i>Lãi do nộp chậm bảo hiểm</i>	7.844.399	-
Thu nhập tính thuế TNDN	6.653.429.533	5.189.225.644
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.330.685.907	1.171.989.642

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận (i)

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.098.872.227	4.017.236.002
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	(418.852.125)	(330.000.000)
- <i>Lợi nhuận sau thuế</i>	5.098.872.227	4.017.236.002
- <i>Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)</i>	8,2%	8,2%
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.680.020.102	4.017.236.002
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.680.020.102	4.017.236.002

(i) Theo hướng dẫn trình bày chỉ tiêu “mã số 70 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “mã số 71 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu” trên Báo cáo kết quả kinh doanh của thông tư 200, phần “Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu” được tính bằng “Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông” trừ (-) “Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế”.

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

(ii) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 43/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 03 năm 2016. Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 được giả định có tỷ lệ không đổi so với năm tài chính 2015.

<u>Số cổ phiếu</u>	<u>Năm 2016</u> <u>Cổ phiếu</u>	<u>Năm 2015</u> <u>Cổ phiếu</u>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.700.000	2.700.000
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.700.000	2.700.000

Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.733	1.488
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.733	1.488

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.715.780.743	15.450.954.598
Chi phí nhân công	23.484.364.185	22.780.136.396
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.105.766.000	3.200.655.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.323.744.553	31.204.041.723
Chi phí khác bằng tiền	3.679.041.349	2.827.336.194
Cộng	73.308.696.830	75.463.124.138

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có duy nhất trụ sở đặt tại số 4 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng và không có các chi nhánh tại các địa điểm khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: bộ phận ứng phó sự cố tràn dầu; bộ phận dịch vụ trọn gói; bộ phận lai dắt, hỗ trợ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận ứng phó sự cố tràn dầu: chủ yếu thực hiện chức năng hỗ trợ các tàu khi các tàu gặp sự cố tràn dầu;
- Bộ phận lai dắt hỗ trợ: thực hiện chức năng lai dắt hỗ trợ tàu lớn ra vào cảng, cứu hộ, cứu nạn;
- Bộ phận dịch vụ trọn gói: thực hiện chức năng chủ yếu là vận tải hàng hóa và bốc xếp hàng hóa thông thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TÀI CĂNG HẢI PHÒNG
Số 4, Lý Tự Trọng, phường Minh Khai
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃU SỐ B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Doanh thu hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu		Doanh thu hoạt động dịch vụ trọn gói		Doanh thu hoạt động lai đất, hỗ trợ		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	798.545.465	27.944.062.333	51.013.947.363	79.756.555.161			
Tổng Doanh thu	798.545.465	27.944.062.333	51.013.947.363	79.756.555.161			
Khấu hao và chi phí phân bổ	981.791.686	28.371.334.112	33.728.135.061	63.081.260.859			
Kết quả kinh doanh							
Kết quả kinh doanh bộ phận	(183.246.221)	(427.271.779)	17.285.812.302	16.675.294.302			
Chi phí không phân bổ							
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(183.246.221)	(427.271.779)	17.285.812.302	10.227.435.971			
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	16.496.772			
Lãi/(lỗ) khác	-	-	-	(34.796.969)			
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	6.429.558.134			
Chi phí thuế TNDN				1.330.685.907			
Lợi nhuận trong năm				5.098.872.227			

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẮT VÀ VẬN TÀI CẢNG HẢI PHÒNG
Số 4, Lý Tự Trọng, phường Minh Khai
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃU SỐ B 09 - DN

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Doanh thu hoạt động bóc xếp		Doanh thu hoạt động dịch vụ trọn gói		Doanh thu hoạt động lại dất, hỗ trợ		Tổng cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu							
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	150.000.003	31.361.971.467	49.694.750.362	81.206.721.832			
Tổng Doanh thu	150.000.003	31.361.971.467	49.694.750.362	81.206.721.832			
Khấu hao và chi phí phân bổ	269.282.860	31.827.736.072	33.881.594.824	65.978.613.756			
Kết quả kinh doanh							
Kết quả kinh doanh bộ phận	(119.282.857)	(465.764.605)	15.813.155.538	15.228.108.076			
Chi phí không phân bổ				9.881.121.010			
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(119.282.857)	(465.764.605)	15.813.155.538	5.346.987.066			
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	24.273.019			
Lãi/ (lỗ) khác	-	-	-	(713.377)			
Chi phí tài chính	-	-	-	181.321.064			
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	5.189.225.644			
Chi phí thuế TNDN				1.171.989.642			
Lợi nhuận trong năm				4.017.236.002			

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẤT VÀ VẬN TÀI CẢNG HẢI PHÒNG
Số 4, Lý Tự Trọng, phường Minh Khai
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃU SỐ B 09 - DN

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Bộ phận ung phó sự cố trần dầu VND	Bộ phận hoạt động dịch vụ trọn gói VND	Bộ phận hoạt động lại đất, hỗ trợ VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	444.663.867	6.046.079.245	10.721.130.295	17.211.873.407
Tài sản không phân bổ	-	-	-	26.546.650.425
Tổng tài sản				43.758.523.832
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	-	2.398.595.745	141.935.479	2.540.531.224
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	7.115.720.381
Tổng nợ phải trả				9.656.251.605

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẤT VÀ VẬN TÀI CĂNG HẢI PHÒNG
Số 4, Lý Tự Trọng, phường Minh Khai
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016
MÃU SỐ B 09 - DN

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2016

	Bộ phận ứng phó sự cố trần dầu VND	Bộ phận hoạt động dịch vụ trọn gói VND	Bộ phận hoạt động lai đất, hỗ trợ VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	766.683.867	7.143.179.427	12.369.114.295	20.278.977.589
Tài sản không phân bổ	-	-	-	25.813.310.754
Tổng tài sản				<u>46.092.288.343</u>
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	-	-	2.352.147.710	2.352.147.710
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	11.519.504.631
Tổng nợ phải trả				<u>13.871.652.341</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). Công ty không sử dụng đòn bẩy tài chính cho hoạt động kinh doanh.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.233.209.556	3.244.040.544
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.666.808.487	13.492.471.031
Các khoản ký quỹ	50.000.000	50.000.000
Cộng	15.950.018.043	16.786.511.575
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.806.116.370	7.714.521.066
Cộng	7.806.116.370	7.714.521.066

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2016			
Tiền	4.233.209.556	-	4.233.209.556
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.666.808.487	-	11.666.808.487
Các khoản ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000
Cộng	15.950.018.043	-	15.950.018.043
31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.806.116.370	-	7.806.116.370
Cộng	7.806.116.370	-	7.806.116.370
Chênh lệch thanh khoản thuần	8.143.901.673	-	8.143.901.673

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
01/01/2016			
Tiền	3.244.040.544	-	3.244.040.544
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.563.220.930	-	13.563.220.930
Các khoản ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000
Cộng	16.857.261.474	-	16.857.261.474
01/01/2016			-
Phải trả người bán và phải trả khác	6.614.521.066	-	6.614.521.066
Cộng	6.614.521.066	-	6.614.521.066
Chênh lệch thanh khoản thuần	10.242.740.408	-	10.242.740.408

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DÁT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNGSố 4, Lý Tự Trọng, phường Minh Khai
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****3. Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Cảng Hải Phòng	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Cùng công ty mẹ

Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty CP Cảng Hải Phòng	31.248.271.197	42.223.482.386
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	14.729.724.833	-
Tổng	45.977.996.030	42.223.482.386
Mua hàng		
Công ty CP Cảng Hải Phòng	15.732.888.228	13.998.180.283
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	235.214.439	-
Tổng	15.968.102.667	13.998.180.283
Trả cổ tức		
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.620.000.000	-
Tổng	1.620.000.000	-

Số dư các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng		
Công ty CP Cảng Hải Phòng	5.639.557.044	8.140.660.651
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	2.469.932.064	-
Tổng	8.109.489.108	8.140.660.651
Phải trả người bán		
Công ty CP Cảng Hải Phòng	2.658.785.087	894.165.476
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	19.210.400	-
Tổng	2.677.995.487	894.165.476

Thu nhập của Ban Giám đốc

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương	1.255.554.159	1.157.028.230
Cộng	1.255.554.159	1.157.028.230

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, phường Minh Khai
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.

Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 02 năm 2017

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng



Mạc Văn Luật
Giám đốc

HHH



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited



Chi nhánh tại Thành phố Hải Phòng:

Số 4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
ĐT: 031. 3 797 268 | Fax: 031. 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Lầu 5, Tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn
Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 3 547 2323 | Fax: 08. 3 547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Thanh Hóa:

Số 30 Từ Đạo Hạnh, Phường Đông Thọ
TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
ĐT: 0373 758 959 | Fax: 0378 886 866
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn

Branch in Hai Phong City:

No. 4, Nguyen Trai Street, May To Ward
Ngo Quyen District, Hai Phong City
Tel: (84) 31 3 797 268 | Fax: (84) 31 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Ho Chi Minh City:

5th Floor, Hai Au TIC Building, 39B Truong Son
4 Ward, Tan Binh District, Ho Chi Minh City
Tel: (84) 8 3547 2323 | Fax: (84) 8 3547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Branch in Thanh Hoa City:

No. 30, Tu Dao Hanh Street, Dong Tho Ward
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province
Tel: 0373 758 959 | Fax: 0378 886 866
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn